

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Thái.

2. Ông Phạm Thành Trại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Cô Đàm Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,
tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
826/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2023 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023.

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Hàng Anh L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(chị N có mặt, anh L vắng mặt,)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 03/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc N1 trình bày:*

Chị và anh Hàng A L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2015, quyền sở 01/2015 ngày 23/04/2015.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do anh L ham chơi, hay tụ tập ăn nhậu cùng bạn bè, anh vô tâm và không chăm lo cho vợ con, mặc dù chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Nay mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 4/2016 đến nay, chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị N1 yêu cầu được ly hôn với anh L.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Hàng Lê Bảo N2, sinh ngày 08/10/2015. Khi ly hôn, chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N1 trình bày không có.

** Bị đơn anh Hàng Anh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các tài liệu mà chị N1 đã nộp cho Tòa án.*

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị N1 vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh L.
- Anh L vẫn vắng mặt, không rõ lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù anh **L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa, nhưng nhiều lần anh **L** vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh **L**.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về hôn nhân:

Chị **Lê Thị Ngọc N1** và anh **Hàng A** Lộc xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2015, quyền số 01/2015 ngày 23/04/2015.

Tại phiên tòa, chị **N1** trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh **L** là vì trong thời gian chung sống anh chị hay mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, vợ chồng anh chị sống hoàn toàn phụ thuộc vào cha mẹ chồng, mọi chi phí sinh hoạt vợ chồng đều do cha mẹ chồng quyết định. Mặc dù làm công tại ga – ra xe của cha mẹ, nhưng anh **L** không được cha mẹ trả lương hàng tháng. Nhiều lần chị góp ý anh **L** nên tự chủ hơn về kinh tế để vợ chồng còn chủ động trong việc chi tiêu, nhưng anh **L** không nghe theo lời chị góp ý. Hơn nữa, anh **L** còn ham chơi, không lo cho vợ con chu đáo. Chị cảm thấy buồn phiền, nên cùng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2016 đến nay. Sau đó hai tháng, anh **L** có qua nhà rước chị về, nhưng chị không đồng ý, từ đó hai người không liên lạc với nhau nữa, con chung anh **L** chỉ thăm được ba lần rồi không thăm nữa.

Nay tình cảm chị dành cho anh **L** không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, hôn nhân đôi bên không thể tiếp tục, nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh **L**.

Đối với anh **L**, nhiều lần vắng mặt khi được Tòa án triệu tập, anh cũng không có bất kỳ phản hồi nào đối với các yêu cầu khởi kiện của chị **N1**, mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, tham dự phiên tòa, ... và các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị **N1** cho anh. Từ đó cho thấy, anh **L** không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị **N1**.

Nội dung biên bản xác minh ngày 24/12/2022, thể hiện anh **L** và chị **N1** hiện tại đã sống ly thân nhau.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn anh **L** của chị **N1** là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên **Hàng Lê Bảo N2**, sinh ngày 08/10/2015. Từ lúc hai người ly thân đến nay, cháu **N2** do chị **N1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị **N1** có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, cháu **N2** cũng có nguyện vọng được sống với chị **N1** (bút lục 20 – 22). Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu **N2**, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị **N1** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh **L** được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **L** tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị **N1** chưa có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N1** trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị **N1** phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Ngọc N1**.

- Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Ngọc N1** được ly hôn với anh **Hàng Anh L**.

- Về con chung: Giao cháu **Hàng Lê Bảo N3**, sinh ngày 08/10/2015 cho chị **N1** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Anh **L** tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh **L** được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị **N1** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021198 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị **N1** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh **L** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Phú, H. Châu Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI